

Bản án số: 235/2023/DS - ST

Ngày: 27/7/2023

Về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tống Thị Kim Điền
2. Bà Hồ Thị Lệ Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2023/TLST - DS ngày 13/3/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2023/QĐXXST-DS ngày 22/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2023/QĐST-DS ngày 10/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q. Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đầu Văn L, bà Nguyễn Thị Minh H, ông Nguyễn Xuân N, bà Nguyễn Thị H. Văn bản ủy quyền số 136449.22 ngày 22/12/2022. Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Paxsky, số 26 đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đầu Văn L có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 18/4B đường H, Khu phố 4, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các Bản tự khai, Biên bản hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn có đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP Q (VIB) đã ký với ông Trần Văn H Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Ngày 06/4/2018, Ngân hàng TMCP Q và ông Trần Văn H có ký kết Hợp đồng tín dụng số 514.HDTD856.18 ngày 06/4/2018 với nội dung: Ngân hàng VIB cho ông Hoàng vay số tiền 78.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để tiêu dùng. Thời hạn vay: 60 tháng, kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến 11/4/2023 với lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 17,5%/năm, mức lãi suất này được cố định trong suốt thời hạn vay. Số tiền phải trả hàng tháng bao gồm gốc và lãi là 1.959.533 đồng. Ngày đến hạn trả tiền là ngày 30 hàng tháng. Trả phí theo quy định của Ngân hàng VIB từng thời kỳ.

Ngày 11/4/2018, Ngân hàng VIB đã giải ngân cho ông Hoàng theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 514.KUNN856.18 với số tiền là 78.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Thẻ tín dụng: Căn cứ vào bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/10/2017, các văn bản của ông Hoàng ký với Ngân hàng TMCP Q về việc sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng VIB đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Hoàng, chi tiết như sau: Số tài khoản thẻ là 000000000125353, loại thẻ: VIB Gold, hạn mức thẻ: 35.000.000 đồng với lãi suất, phí: Theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Quốc tế.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Hoàng đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và bản Đăng ký phát hành thẻ tín dụng Quốc tế, vì vậy khoản vay đã quá hạn thanh toán kể từ ngày 25/02/2019.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, tạm tính đến ngày 06/12/2022, ông Trần Văn H đã thanh toán cho Ngân hàng VIB số tiền tổng cộng là 17.673.478 (mười bảy triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn bốn trăm bảy mươi tám) đồng. Trong đó, nợ gốc là 8.299.941 đồng, nợ lãi là 9.373.537 đồng, dư nợ của ông Hoàng tại Ngân hàng VIB được áp dụng lãi suất trong hạn từ thời điểm giải ngân được tính từ ngày 11/4/2018 tuy nhiên khoản vay đã quá hạn thanh toán kể từ ngày 25/02/2019 do đó tại thời điểm quá hạn ở mỗi kỳ hạn thanh toán thì mức lãi suất quá hạn (Tức lãi suất 150% của mức lãi suất trong hạn) sẽ được áp dụng đối với mỗi kỳ thanh toán bị quá hạn đó. Trên cơ sở của việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán của ông Hoàng, ngày 22/12/2022 Ngân hàng VIB đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc trong hạn sang nợ gốc quá hạn và đã thông báo cho ông Hoàng bằng văn bản theo Thông báo thu hồi toàn bộ dư nợ khoản vay và chuyển nợ quá hạn số 136442.22 ngày 15/12/2022. Lãi suất trong hạn mỗi tháng ông Hoàng phải chịu là 17.5%/12 tháng, lãi suất quá hạn mỗi tháng ông Hoàng phải chịu là 150% x 17.5%/12 tháng.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 514.HDTD856.18 ngày 06/4/2018 lãi suất cho vay trong hạn cố định là 17.5%/Năm.

Tại Hợp đồng tín dụng số 514.HDTD856.18 ngày 06/4/2018 giữa Ngân hàng TMCP Q – Chi Nhánh Thành Đô và Đăng ký phát hành thẻ tín dụng Quốc tế có thông tin địa chỉ hiện tại của ông Trần Văn H tại: 18/4B, Khu phố 4, đường Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tính đến ngày 27/7/2023, ông Hoàng còn nợ Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là 226.909.563 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu chín trăm lẻ chín ngàn năm trăm sáu mươi ba) đồng, trong đó: Hợp đồng tín dụng số 514.HDTD856.18 ngày 06/4/2018 là 147.742.242 đồng, trong đó nợ gốc là 69.700.059 đồng, lãi trong hạn là 29.129.647 đồng và nợ lãi quá hạn là 48.912.536 đồng và **Đăng ký phát hành thẻ Quốc tế phê duyệt ngày 18/10/2017 là 79.167.321 đồng, trong đó nợ gốc là 34.974.441 đồng, nợ lãi 13.226.570 đồng và nợ phí 30.966.310 đồng.**

Ngân hàng TMCP Q yêu cầu ông Hoàng có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và lãi suất tiếp tục tính cho đến khi ông Hoàng thanh toán nợ dứt điểm cho Ngân hàng TMCP Q theo thỏa thuận mà hai bên đã ký.

Bị đơn ông Trần Văn H đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Trần Văn H vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q - có đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn H phải trả cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ số dư nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng số 514.HDTD856.18 ngày 06/4/2018 và Bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng Quốc tế ngày 18/10/2017. Căn cứ vào kết quả xác minh theo Quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ số 104/2023/QĐ-CCTLCC ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân Quận 7, Công an phường Tân Phú trả lời kết quả xác minh như sau: “Qua rà soát tại địa chỉ 18/4B Huỳnh Tấn Phát,

Khu phố 4, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh không có ai tên Trần Văn H (1989) thường trú, tạm trú, hoặc thực tế cư trú”. Căn cứ vào kết quả xác minh theo Quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ số 244/2023/QĐ-CCTLCC ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân Quận 7, Công an xã Kiên Bình trả lời kết quả xác minh như sau: “Đương sự Trần Văn H, sinh năm 1989, cư trú tại địa chỉ ấp Kiên Thanh, xã Kiên Bình, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Qua thẩm tra xác minh cho thấy có đăng ký thường trú với thông tin như sau: Họ và tên Trần Văn H, sinh ngày 19/12/1989, nơi thường trú: tổ 7, ấp Kiên Thanh, xã Kiên Bình, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang nhưng hiện tại không có mặt tại địa phương đi đâu và làm gì không rõ. Tại Hợp đồng tín dụng số 514.HDTD856.18 ngày 06/4/2018 giữa Ngân hàng TMCP Q – Chi Nhánh Thành Đô và Đăng ký phát hành thẻ tín dụng Quốc tế có thông tin địa chỉ hiện tại của ông Trần Văn H tại: 18/4B, Khu phố 4, đường Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 02 của bản Điều kiện và điều khoản phát hành thẻ tín dụng thì việc thay đổi thông tin chủ thẻ phải thông báo ngay cho đơn vị phát hành thẻ.

Vì vậy trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bị đơn ông Trần Văn H. Nay ông Trần Văn H vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40, Điểm b Khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ Điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay - Đây là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn ông Trần Văn H là trường hợp được coi là cố tình giấu địa chỉ, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Trần Văn H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 27/7/2023 theo Hợp đồng tín dụng số 514.HDTD856.18 ngày 06/4/2018 giữa Ngân hàng TMCP Q – Chi Nhánh Thành Đô và Đăng ký phát hành thẻ tín dụng Quốc

té với số tiền là 147.742.242 đồng, trong đó nợ gốc là 69.700.059 đồng, lãi trong hạn là 29.129.647 đồng và nợ lãi quá hạn là 48.912.536 đồng và **Đăng ký phát hành thẻ Quốc tế phê duyệt ngày 18/10/2017 tính đến ngày 27/7/2023 ông Hoàng còn nợ số tiền là: 79.167.321 đồng, trong đó nợ gốc là 34.974.441 đồng, nợ lãi 13.226.570 đồng và nợ phí 30.966.310 đồng.** Yêu cầu trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra kể từ ngày 28/7/2023, bị đơn còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng và **Đăng ký phát hành thẻ Quốc tế** đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 514.HDTD856.18 ngày 06/4/2018 giữa Ngân hàng TMCP Q – Chi Nhánh Thành Đô và Bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng, bảng sao kê tài khoản và các chứng cứ khác trong hồ sơ có cơ sở xác định ông Trần Văn H có đề nghị vay và đã được nguyên đơn chấp thuận cho vay với hạn mức 78.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngày 22/12/2022, Ngân hàng đã chấm dứt Hợp đồng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 69.700.059 đồng sang nợ quá hạn theo Điều 3 của Bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng. Tính đến ngày 27/7/2023, ông Hoàng còn nợ số tiền là 147.742.242 đồng, trong đó nợ gốc là 69.700.059 đồng, lãi trong hạn là 29.129.647 đồng và nợ lãi quá hạn là 48.912.536 đồng;

[3.2] Căn cứ theo các điều khoản ký kết trong **Đăng ký phát hành thẻ Quốc tế phê duyệt ngày 18/10/2017** thì ông Trần Văn H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì “bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Đến nay bị đơn ông Trần Văn H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ tính đến ngày 27/7/2023 số tiền là: 79.167.321 đồng, trong đó nợ gốc là 34.974.441 đồng, nợ lãi 13.226.570 đồng và nợ phí 30.966.310 đồng là phù hợp với các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết, phù hợp Điều 7.0 và Điều 9.0 của bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tổng số tiền ông Trần Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q là 226.909.563 (Hai trăm hai mươi sáu triệu chín trăm lẻ chín ngàn năm trăm sáu mươi ba) đồng.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm bị đơn vẫn phải trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 514.HDTD856.18 ngày 06/4/2018, Bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng và **Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB phê duyệt ngày 18/10/2017** cho đến khi thi hành án xong.

[3.3] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là 11.345.478 (Mười một triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn bốn trăm bảy mươi tám) đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014;

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn H.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q.

2.1. Buộc ông Trần Văn H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền nợ tính đến ngày 27/7/2023 là 226.909.563 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu chín trăm lẻ chín ngàn năm trăm sáu mươi ba) đồng, trong đó: Hợp đồng tín dụng số 514.HDTD856.18 ngày 06/4/2018 là 147.742.242 đồng, trong đó nợ gốc là 69.700.059 đồng, lãi trong hạn là 29.129.647 đồng và nợ lãi quá hạn là 48.912.536 đồng và **Đăng ký phát hành thẻ Quốc tế phê duyệt ngày 18/10/2017 là 79.167.321 đồng, trong đó nợ gốc là 34.974.441 đồng, nợ lãi 13.226.570 đồng và nợ phí 30.966.310 đồng.** Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

2.2 Kể từ ngày 28/7/2023, ông Trần Văn H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 514.HDTD856.18 ngày 06/4/2018 và bản **Đăng ký phát hành thẻ Quốc tế phê duyệt ngày 18/10/2017** cho đến khi thi hành án xong.

Thi hành án tại cơ quan có thẩm quyền.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn H phải chịu **11.345.478 (Mười một triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn bốn trăm bảy mươi tám) đồng** án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 5.300.116 (Năm triệu ba trăm ngàn một trăm mười sáu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0015621 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Trần Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (Thanh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Phương